

Số: 51/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 17/9/2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT – TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn Tài;
2. Bà Chế Thị Hồng Cẩm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Chau Chanh Đô Ra - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT tham gia phiên tòa: Ông Chau Pho Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 193/2021/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 5 năm 2021 về: “*Tranh chấp ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2021/QĐXX- DS ngày 25 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị KL, sinh năm: 1994; địa chỉ cư trú: Tổ 03, ấp VP, xã LQ, huyện TT, tỉnh An Giang;

Bị đơn: Ông Trần Văn L, sinh năm: 1985; địa chỉ cư trú: Tổ 17, khóm AĐ A, thị trấn BC, huyện TT.

(Tại phiên tòa, bà KL - ông L vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 15/5/2021 với các tài liệu kèm theo cũng như quá trình tố tụng tại tòa, bà Nguyễn Thị KL trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà với ông L được hình thành là thông quan mai mối, cha mẹ hai bên đứng ra tổ chức đám cưới cho hai người vào năm 2010, hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn BC, huyện TT, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 29 ngày 19/3/2013. Cuộc sống chung hạnh phúc được 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là ông L không quan tâm đến đời sống vợ chồng, đi làm thì ít nhưng ăn nhậu lại nhiều, những lúc say xỉn thì kiểm chuyện đánh bà; bà cố nhin mong ông có ngày thay đổi, nhưng ông chẳng những không thay đổi mà càng ngày

tỏ tính cáo gắt hơn, nên bà bỏ về cha mẹ ruột sống và ly thân với ông L từ 04 năm nay. Trong thời gian ly thân gia đình có hàn gắn nhưng không thành. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn bà xin ly hôn với ông L.

Về quan hệ con chung: Bà với ông L có 01 con chung tên Trần Văn M, sinh ngày 09/9/2011, hiện do bà nuôi. Khi ly hôn bà yêu cầu tiếp tục nuôi và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Bà với ông L không có tài sản chung.

Về quan hệ nợ chung: Bà với ông L không có nợ chung.

Tòa án đã thông báo hợp lệ cho ông L để tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng **ông vắng mặt**.

Tại phiên tòa, bà KL có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; riêng ông L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham dự phiên tòa nhưng **ông vẫn vắng mặt không có lý do**.

Quan điểm của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết đúng theo trình tự thủ tục, xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền xét xử. Trong quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX) đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đương sự trong vụ án cũng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Bà KL – ông L chung sống có đăng ký kết hôn, nhưng quá trình chung sống ông L không quan tâm đời sống vợ chồng, bà KL khuyên ngăn nhưng ông không nghe...nay bà KL xin ly hôn, ông L không có ý kiến đối với yêu cầu của bà KL, nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà KL. Về con chung, cháu Trần Văn M có ý nguyện tiếp tục sống chung với mẹ, đề nghị giao cháu M cho bà KL tiếp tục nuôi. Về tài sản chung và nợ chung không đề cập. Từ phân tích trên đề nghị HĐXX xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của Kiểm sát viên. HĐXX nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Bà KL khởi kiện: “Tranh chấp ly hôn” với ông L, là thuộc thẩm quyền của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; ông L có địa chỉ cư trú tại huyện TT, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện TT thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền. Bà KL có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, còn ông L được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, nên HĐXX xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà KL - ông L kết hôn và chung sống với nhau vào năm 2010, hôn nhân có đăng ký kết hôn, nên xem là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, bà KL bảo lưu ý kiến của mình, thể hiện do ông L không quan tâm đời sống vợ chồng, đi làm thì ít nhưng ăn nhậu lại nhiều, những lúc say xỉn thì kiểm chuyện đánh bà, bà cố nhịn nhưng ông chẳng những không thay đổi mà ngày càng tỏ tính cáo gắt hơn...bà và ông L ly thân đã lâu, gia đình đứng ra hàn gắn nhưng không thành...

Qua trình bày của bà KL, mặc dù ông L vắng mặt, nhưng tại các biên bản xác minh vào cùng ngày 24/6/2021 của Tòa án thể hiện: Vợ chồng bà KL – ông L khi sống chung thì thường gây cãi, mâu thuẫn giữa hai người xảy ra nhiều năm, bà L bỏ về nhà cha mẹ ruột sống, gia đình hàn gắn nhưng không thành... khả năng đoàn tụ là không thể...

Với những chứng cứ thu thập vừa nêu, xét mâu thuẫn giữa bà KL – ông L đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, HĐXX nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Liên.

[3]. *Về quan hệ con chung*: Xét thấy, cháu Trần Văn M từ trước nay do bà KL nuôi, bà KL cho cháu đi học, tình cảm giữa cháu M với bà KL đã thật sự gắn bó. Xét, để không xáo trộn về tâm sinh lý của cháu M cũng như theo ý nguyện của cháu và để cho cháu M có điều kiện phát triển tốt về sau, HĐXX nghĩ nên chấp nhận giao cháu M cho bà KL tiếp tục nuôi là hoàn toàn phù hợp.

HĐXX cũng giải thích cho bà KL biết: Trong thời gian nuôi con, bà cùng người thân trong gia đình không được cản trở ông L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con và theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nhưng bà KL không yêu cầu nên HĐXX công nhận sự tự nguyện.

[4] *Về quan hệ tài sản chung, nợ chung*: Bà KL khai bà và ông L không có tài sản chung và không có nợ chung. Tuy nhiên do ông L vắng mặt, nên HĐXX không xem xét và không đề cập ở phần quyết định. Nếu sau này ông L có chứng cứ khác chứng minh có nợ chung và ông L có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét thụ lý giải quyết theo quy định của pháp luật.

[5] *Về án phí*: Bà Nguyễn Thị KL là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; các bên không phải chịu án phí nào khác.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị KL.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị KL được ly hôn với ông Trần Văn L.

Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị KL tiếp tục nuôi con chung tên Trần Văn M, sinh ngày 09/9/2011.

Công nhận tự nguyện của bà Nguyễn Thị KL không yêu cầu ông Trần Văn L cấp dưỡng nuôi con.

Bà KL cùng người thân trong gia đình không được cản trở ông L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị KL phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được chuyển từ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007858 ngày 05/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT (bà KL nộp đủ).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (17/9/2021), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAT;
- VKS huyện;
- THADS để thi hành.
- UBND TT BC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Vp.

Lê Văn Huệ